TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HSST
Ngày: 10/7/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Năng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Huỳnh Văn Thái.

2.Ông Lê Phú Quốc.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa: Ông Phan Thành Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/5/2018 và ngày 10/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/TLST-HS, ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn M, sinh năm 1971 tại huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh H và bà Trần Thị U; Có vợ Hà Tuyết N và 05 con; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 16/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Bà **Hà Tuyết N**, sinh năm: 1974, có mặt.

Nơi cư trú: Ấp B, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Văn Của E**, sinh năm: 1974, có đơn đề nghị vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:*

Do Lê Văn M nghi ngờ vợ mình là Hà Tuyết N và ông Lê Văn Của E có quan hệ bất chính đã nhiều lần khuyên can nhưng bà N không thừa nhận. Vào khoảng 15 giờ ngày 06/8/2017 bà N điện thoại cho ông E rủ đi nhà anh H ở xã Đ, huyện Q để tập huấn về việc bán sữa, ông E đồng ý và đến chở bà N, khi đến nơi thì không có tập huấn nên tổ chức uống rượu. Đến khoảng 17 giờ ngày 06/8/2017, sau khi đi ruộng về M nghe nói ông E chở bà N đi tập huấn bán sữa nên M lội qua sông cầm theo một cây dao yếm đi đến chòi để xe của gia đình cất nhờ trên đất của ông P và ngồi đợi trong mùng để rình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, nghe tiếng xe về nên M đi ra khỏi mùng, lùi ra sát vách phía sau ngồi cạnh xe đạp, lấy một cái bao trùm người lại và tay cầm dao thủ sẵn. Ông E chở bà N về, bà N mở cửa vào chồi đứng gọi điện thoại cho những người đi chung về đến nhà chưa, ông E thì dẫn xe vào sau, ngay lúc này Mừng tung ra dùng dao chém liên tiếp vào người bà N, ông E can ngăn thì bị chém trúng vào tay phải. Bà N chạy thoát ra ngoài, M đuổi theo tiếp tục đánh bà N bằng tay. Sau đó, bà N được đưa đến Bệnh viện Đa khoa khu vực G để cấp cứu. M đến Công an xã đầu thú.

Vật chứng trong vụ án không thu giữ được: 01 (Một) con dao yếm là công cụ phạm tội.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 572/KL-PY ngày 22/9/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích của Hà Tuyết N: Sẹo xơ cứng mi trên mắt trái, cẳng tay phải và ngón tay I tay trái. Gãy 1/3 giữa xương quay phải, xương di lệch trục gây hạn chế chức năng vận động sấp – ngửa cẳng tay và khớp cổ tay. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 33%.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội cố ý gây thương tích đối với Lê Văn M để điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-GR ngày 12/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Lê Văn M về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Mừng về tội Cố ý gây thương tích và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn Mừng từ 24 – 30 tháng tù.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại bồi thường toàn bộ thiệt hại về sức khỏe cho bà Hà Tuyết N số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại là bà Hà Tuyết N đồng ý nhận số tiền mà bị cáo tự nguyện khắc phục và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo M trình bày: Bị cáo đã hối hận vì hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo M khai nhận: Vào đêm ngày 06/8/2017 khi bị cáo đi ruộng về nghe nói bà N đi tập huấn bán sữa cùng với ông E, do nghi ngờ bà N có quan hệ với ông E nên bị cáo cầm theo một cây dao yếm ngồi đợi để bắt quả tang. Tuy nhiên, theo lời khai của bị cáo thì cho rằng bà N và ông E đang quan hệ tình dục dẫn đến tinh thần bị cáo bị kích động nên bị cáo mới chém bà N gây thương tích. Bà N và ông E không thừa nhận có quan hệ tình dục nhưng bà N và ông E thường xuyên đi chung nên dẫn đến bị cáo có nghi ngờ hai người có quan hệ bất chính. Mặt khác, trong quá trình điều tra, khám nghiệm hiện trường, các nghiệp vụ điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo không chứng minh được bị cáo đã thấy bà N và ông E đang quan hệ tình dục, không có người làm chứng để xác định rõ sự việc trên. Do đó, việc bị cáo khai là không đủ căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã dùng dao chém liên tiếp vào người bà N gây thương tích 33% và bà N cũng xác định thương tích là do bị cáo gây ra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và các tình tiết khác của vụ án.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) thì:

“ 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

d) ...”

Đối chiếu hành vi của bị cáo với quy định của Bộ luật hình sự đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân dân huyện G truy tố bị cáo về tội phạm và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm sức khỏe của người khác, gây ảnh xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về nhân thân bị cáo: Bị cáo M có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề. Cụ thể là bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Đối với bồi thường thiệt hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước 10.000.000 đồng nên không phải chịu án phí đối với phần này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội "Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt Lê Văn M **24 (Hai mươi bốn)** tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 35/L, ngày 16/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G hết hiệu lực thi hành.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo M bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà Hà Tuyết N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu tiền số 06907 ngày 21/02/2018 và biên lai thu tiền số 06864 ngày 19/6/2018. Bà N được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện G để nhận khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 10/7/2018; người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện GR;
- Nhà tạm giữ CA huyện GR;
- Cơ quan CS điều tra;
- Chi cục THADS huyện GR;
- UBND xã (nơi các BC cư trú);
- Bị cáo; Bị hại;
-Lưu.

Cao Văn Năng